QUYẾT ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 265/2006/QĐ-TTg NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2006 PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 153/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con;

Căn cứ Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước và Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2005/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Điều 2. Những nội dung trong Điều lệ khác với quy định tại Quyết định số 58/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Quyết định số 06/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thì thực hiện theo Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

(*Ban hành kèm theo Quyết định số **265**/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam" là tổ hợp doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, bao gồm: Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên, được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên theo Quyết định số 58/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

b) "Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" là Công ty mẹ trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam, là công ty nhà nước, có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 06/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

c) "Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Danh sách các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục I Điều lệ này.

d) "Công ty con của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" là công ty hạch toán độc lập do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối hoặc nắm quyền chi phối thông qua quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp đó hoặc quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó. Công ty con được tổ chức dưới các hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài, tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật. Các công ty con còn được gọi là các công ty bị chi phối. Danh sách các công ty con và đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục II Điều lệ này.

đ) "Công ty liên kết của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" là công ty có cổ phần, vốn góp không ở mức chi phối của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thoả thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết giữa công ty với Tập đoàn Bưu

chính Viễn thông Việt Nam. Công ty liên kết được tổ chức dưới hình thức: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài. Danh sách các công ty liên kết của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục II Điều lệ này.

e) "Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam nhưng tự nguyện liên kết với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam dưới các hình thức theo quy định của pháp luật, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo thoả thuận trong hợp đồng liên kết giữa công ty đó với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

g) "Đơn vị thành viên" bao gồm: Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết và các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ nghiên cứu, đào tạo, y tế mà Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có đầu tư vốn.

h) "Tổng công ty Bưu chính Việt Nam" là tổng công ty do Nhà nước thành lập và giao vốn thông qua Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, là đơn vị thành viên của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; thực hiện kinh doanh đa ngành, trong đó bưu chính là ngành kinh doanh chính, thực hiện các nhiệm vụ công ích về bưu chính; được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

i) Các Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I, II, III là các công ty con do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam nắm 100% vốn điều lệ. Mô hình tổ chức quản lý, hoạt động của các doanh nghiệp này do Thủ tướng Chính phủ quyết định

k) "Vốn điều lệ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" là số vốn do Nhà nước đầu tư và ghi tại Điều lệ này.

l) "Cổ phần, vốn góp chi phối của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó .

m) "Quyền chi phối của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam" là quyền của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam quyết định đối với điều lệ hoạt động hoặc nhân sự các chức danh quản lý chủ chốt hoặc một trong những công tác: tổ chức quản lý, thị trường, dịch vụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư, định hướng lựa chọn công nghệ và các quyết định quan trọng khác của công ty con, công ty bị chi phối theo Điều lệ của công ty hoặc theo thoả thuận giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam với công ty đó.

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ "pháp luật" được hiểu là pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Tên và trụ sở chính của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

1. Tên gọi đầy đủ : **TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**
2. Tên giao dịch quốc tế : Vietnam Posts and Telecommunications Group
3. Tên viết tắt : VNPT
4. Trụ sở chính đặt tại : Thành phố Hà Nội

Điện thoại	: 84-4-5775104	Fax	: 84-4-9435851
E-mail	: vanphong@vnpt.com.vn		
Website	: http://www.vnpt.com.vn		

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

1. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (sau đây viết tắt là VNPT) là công ty nhà nước, do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật đối với công ty nhà nước và theo Điều lệ này.

2. VNPT có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, biểu tượng, tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ mở tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài.

3. VNPT chịu trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động:

a) Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại VNPT và vốn của VNPT đầu tư tại các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu giao;

b) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam;

c) Phát triển thành tập đoàn kinh tế có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hoá cao; kinh doanh đa ngành, trong đó viễn thông và công nghệ thông tin là các ngành, nghề kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo; có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; làm nòng cốt để ngành bưu chính, viễn thông Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

VNPT có nhiệm vụ kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước, bao gồm trực tiếp thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác trong các ngành, nghề lĩnh vực chủ yếu sau:

- Dịch vụ viễn thông đường trục;

- Dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin;

- Dịch vụ truyền thông;

- Khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông và công nghệ thông tin;

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin;

- Dịch vụ tài chính, tín dụng, ngân hàng;

- Dịch vụ quảng cáo;

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;

- Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Vốn điều lệ của VNPT

Vốn điều lệ của VNPT tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2006 là:

36.955.000.000.000 đồng (Ba mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, VNPT phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

Điều 6. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với VNPT

1. Nhà nước là chủ sở hữu của VNPT. Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với VNPT. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc uỷ quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với VNPT theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị VNPT là đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại VNPT và đại diện chủ sở hữu đối với công ty do mình đầu tư toàn bộ vốn điều lệ.

Điều 7. Đại diện theo pháp luật của VNPT

Người đại diện theo pháp luật của VNPT là Tổng giám đốc VNPT.

Điều 8. Quản lý nhà nước đối với VNPT

VNPT chịu sự quản lý nhà nước của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong VNPT

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VNPT hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong VNPT hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật.

3. VNPT tạo điều kiện để tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VNPT

Mục 1
QUYỀN CỦA VNPT

Điều 10. Quyền đối với vốn và tài sản

1. Chiếm hữu, sử dụng vốn và tài sản của VNPT để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của VNPT.

2. Định đoạt đối với vốn, tài sản của VNPT theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực được Nhà nước giao hoặc cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên và thực hiện các nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao.

4. Nhà nước không điều chuyển vốn do Nhà nước đầu tư tại VNPT và vốn, tài sản của VNPT theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại VNPT hoặc thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 11. Quyền kinh doanh

1. Tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; kế hoạch phối hợp kinh doanh; tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả.

2. Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.

3. Tìm kiếm, mở rộng thị trường mua, bán các sản phẩm, dịch vụ và đầu tư ở trong nước và ở nước ngoài.

4. Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá.

5. Có các quyền kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền tổ chức kinh doanh

1. Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả.

2. Quyết định việc mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của VNPT và nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước; quyết định việc phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của VNPT và các đơn vị thành viên theo nhu cầu của thị trường.

3. Quyết định việc bán lại dịch vụ, cùng tham gia kinh doanh với các công ty con, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh chung của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam.

4. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng vốn, tài sản của VNPT để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác trong nước; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác; đầu tư tài chính trong nước và ngoài nước.

5. Sử dụng vốn của VNPT hoặc vốn huy động để đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài.

6. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và ngoài nước.

7. Xây dựng, ban hành và áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá tiền lương và các định mức chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của VNPT và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng phù hợp với yêu cầu kinh doanh và có các quyền khác theo quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công.

9. Mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với VNPT tại Việt Nam. Quyết định cử người của VNPT ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

10. Có các quyền tổ chức kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền về tài chính

1. Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu VNPT; vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu VNPT. Trường hợp VNPT huy động vốn để chuyển đổi sở hữu hoặc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của VNPT; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của VNPT theo quy định của pháp luật.

3. Được tạm ứng kinh phí cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam để duy trì liên tục các hoạt động công ích, hoạt động kinh doanh trên cơ sở phương án hỗ trợ cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam đã được Nhà nước phê duyệt. Việc hạch toán, thanh toán và quyết toán khoản tạm ứng này được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của VNPT.

4. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của VNPT hình thành từ nguồn doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và doanh thu từ hoạt động tài chính, được dùng để xác định chi phí tiền lương và các chi phí khác.

5. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu theo quy định của pháp luật.

6. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của VNPT.

7. Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của VNPT do các sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư và chi phí mang lại.

8. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

9. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

10. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính; phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia theo Quy chế quản lý tài chính của VNPT và các quy định của pháp luật. Trường hợp VNPT còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được tăng lương, trích thưởng cho công nhân viên của VNPT, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn.

11. Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền tham gia hoạt động công ích

1. Được quyền sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật.

2. Được Nhà nước thanh toán theo giá hoặc phí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Được hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của Nhà nước.

4. Được xem xét đầu tư bổ sung tương ứng với nhiệm vụ công ích được giao; hạch toán và được bù đắp chi phí hợp lý phục vụ hoạt động công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động theo nguyên tắc:

a) Đối với các sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đấu thầu thì VNPT tự bù đắp chi phí;

b) Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích không thể thực hiện theo phương thức đấu thầu mà được Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng thì VNPT được sử dụng phí hoặc doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo nhiệm vụ được giao hoặc đặt hàng của Nhà nước để bù đắp chi phí hợp lý phục vụ hoạt động công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trường hợp các khoản thu không đủ để bù đắp chi phí hợp lý thì được Nhà nước cấp bù phần chênh lệch và bảo đảm lợi ích thoả đáng cho người lao động.

5. Được giao lại cho các đơn vị thành viên thực hiện một phần hoặc toàn bộ nhiệm vụ công ích mà Nhà nước giao hoặc đặt hàng cho VNPT.

6. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong giá thực hiện thầu, trong dự toán do Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng.

7. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 15. Quyền chi phối các đơn vị thành viên

VNPT chi phối các đơn vị thành viên thông qua vốn, nghiệp vụ, dịch vụ, công nghệ, thị trường và thương hiệu theo Điều lệ này và Điều lệ của đơn vị thành viên hoặc thoả thuận giữa VNPT với doanh nghiệp đó, được quy định tại Chương V Điều lệ này.

Mục 2
NGHĨA VỤ CỦA VNPT

Điều 16. Nghĩa vụ về vốn và tài sản

1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại VNPT và vốn VNPT tự huy động, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VNPT trong phạm vi số tài sản của VNPT.

2. Hội đồng quản trị VNPT chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VNPT trong phạm vi số vốn của Nhà nước đầu tư vào VNPT.

3. Định kỳ đánh giá lại tài sản của VNPT theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nghĩa vụ trong kinh doanh

1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do VNPT thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Đảm bảo an ninh thông tin và an toàn mạng viễn thông đường trục quốc gia;

3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý VNPT theo quy định của pháp luật.

4. Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu.

6. Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ về tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi; kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư do chủ sở hữu nhà nước giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả: vốn kinh doanh, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các công ty con và các doanh nghiệp khác; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê.

3. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khi Nhà nước yêu cầu.

4. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của VNPT.

5. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả của VNPT.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích

1. Cung ứng dịch vụ công ích về viễn thông - công nghệ thông tin do Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo đúng đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định.

2. Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng.

3. Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh tế theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của VNPT; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do VNPT trực tiếp thực hiện và cung ứng.

4. Cung cấp đủ số lượng sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo đúng chất lượng, đúng đối tượng và đúng thời gian.

5. Hỗ trợ cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam thực hiện các hoạt động bưu chính công ích theo Điều lệ này, Điều lệ của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nghĩa vụ và trách nhiệm của VNPT đối với các đơn vị thành viên

1. VNPT có nghĩa vụ đối với các đơn vị thành viên như sau:

a) Định hướng chiến lược kinh doanh của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các công ty con theo chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và Điều lệ của các công ty con;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn mạng lưới bưu chính viễn thông;

c) Phối hợp với các đơn vị thành viên trong việc tìm kiếm, cung cấp đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc làm giảm hiệu quả kinh doanh chung của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam;

d) Chủ trì xây dựng, thông qua và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở phát huy các lợi thế sẵn có, tạo ra sức mạnh tổng hợp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tránh hoặc hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp, phân tán;

đ) Chủ trì thực hiện các hoạt động: nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo; tiếp thị, xúc tiến thương mại; hợp tác quốc tế và một số dịch vụ khác nhằm tạo điều kiện cho các công ty con, công ty liên kết mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh;

e) Hỗ trợ cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam duy trì và phát triển kinh doanh trong giai đoạn đầu chia tách bưu chính, viễn thông để Tổng công ty Bưu chính Việt Nam có khả năng tiến tới cân bằng thu chi theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

g) Ưu tiên sử dụng các dịch vụ nghiên cứu, đào tạo, y tế của các đơn vị trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam cung cấp trên cơ sở hợp đồng và quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các quyền chi phối của VNPT với công ty con theo Điều lệ của công ty. VNPT không được lạm dụng quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, công ty liên kết, các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan.

2. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thoả thuận với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, công ty con, công ty liên kết mà gây thiệt hại cho các doanh nghiệp này và các bên có liên quan thì VNPT phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp đó và các bên liên quan:

a) Buộc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các công ty này;

b) Điều chuyển vốn, tài sản của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và của các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại công ty; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi (do công ty con tự gây dựng) từ công ty con này sang công ty con khác không có sự thoả thuận với công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị sụt giảm nghiêm trọng;

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đối với các công ty con trái với Điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ cho công ty con, công ty liên kết thực hiện không dựa trên cơ sở kế hoạch phối hợp kinh doanh và hợp đồng kinh tế;

đ) Buộc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các công ty con cho VNPT hoặc cho công ty khác vay vốn với lãi suất thấp, điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để VNPT hoặc công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty con.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI VNPT

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với VNPT

1. Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với VNPT như sau:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đa dạng hoá sở hữu VNPT theo đề nghị của Hội đồng quản trị VNPT và ý kiến của các Bộ: Bưu chính, Viễn thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;

b) Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNPT theo đề nghị của Hội đồng quản trị VNPT và ý kiến của các Bộ: Bưu chính, Viễn thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;

c) Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Bưu điện Trung ương;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị VNPT theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông và thẩm định của Bộ Nội vụ;

đ) Chấp thuận để Hội đồng quản trị VNPT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc VNPT theo đề nghị của Hội đồng quản trị VNPT và thẩm định của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

e) Phê duyệt mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành, nghề kinh doanh của VNPT theo đề nghị của Hội đồng quản trị VNPT và ý kiến của các Bộ: Bưu chính, Viễn thông, Kế hoạch và Đầu tư;

g) Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với VNPT theo đề nghị của Hội đồng quản trị VNPT và ý kiến của các Bộ: Bưu chính, Viễn thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;

h) Phê duyệt các dự án đầu tư của VNPT, các dự án đầu tư ra ngoài VNPT thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư;

i) Phê duyệt đề án thành lập mới doanh nghiệp do VNPT đầu tư 100% vốn điều lệ và phương án tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể doanh nghiệp do VNPT nắm giữ 100% vốn điều lệ;

k) Quy định giá bán, mức bù chênh lệch cho VNPT khi tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích;

l) Yêu cầu VNPT báo cáo thường xuyên hoặc đột xuất các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính của VNPT theo quy định tại Chương VIII Điều lệ này; các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam;

m) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và thực hiện Quy chế quản lý tài chính của VNPT; quy trình, thủ tục kiểm tra, giám sát và công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VNPT theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Bưu chính, Viễn thông:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị VNPT;

b) Quyết định xếp lương, nâng lương, phụ cấp lương đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị VNPT;

c) Thẩm định việc thực hiện quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc VNPT do Hội đồng quản trị VNPT trình Thủ tướng Chính phủ;

d) Chỉ đạo triển khai, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn của VNPT mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt;

đ) Giao chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm cho VNPT và giám sát, đánh giá việc thực hiện theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ ý kiến khi Hội đồng quản trị VNPT trình Thủ tướng Chính phủ về:

- Mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành, nghề kinh doanh của VNPT;

- Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNPT;

- Tổ chức lại, giải thể, đa dạng hoá sở hữu VNPT;

- Đề án thành lập mới doanh nghiệp do VNPT đầu tư 100% vốn điều lệ và phương án tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể doanh nghiệp do VNPT nắm giữ 100% vốn điều lệ.

g) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư của VNPT thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

h) Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam theo đề nghị của Hội đồng quản trị VNPT;

i) Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Bộ quản lý ngành theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính:

a) Thực hiện việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của VNPT theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Thực hiện giám sát và đánh giá tình hình quản lý, sử dụng vốn; phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của VNPT;

c) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ ý kiến khi Hội đồng quản trị VNPT trình Thủ tướng Chính phủ về:

- Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNPT;

- Tổ chức lại, giải thể, đa dạng hoá sở hữu VNPT;

- Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với VNPT;

- Đề án thành lập mới doanh nghiệp do VNPT đầu tư 100% vốn điều lệ và phương án tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể doanh nghiệp do VNPT nắm giữ 100% vốn điều lệ.

d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Nội vụ: thẩm định về quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị VNPT do Bộ Bưu chính, Viễn thông trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư :

a) Giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ giao cho VNPT;

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ ý kiến khi Hội đồng quản trị VNPT trình Thủ tướng Chính phủ về:

- Tổ chức lại, giải thể, đa dạng hoá sở hữu VNPT;

- Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của VNPT;

- Phê duyệt mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành, nghề kinh doanh của VNPT;

- Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với VNPT;

- Đề án thành lập mới doanh nghiệp do VNPT đầu tư 100% vốn điều lệ; việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản doanh nghiệp do VNPT nắm giữ 100% vốn điều lệ.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các lĩnh vực liên quan đối với VNPT đã được pháp luật quy định cho các cơ quan này.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ sở hữu đối với VNPT

1. Thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với VNPT đã được phân công, phân cấp theo Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

2. Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của VNPT; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của VNPT và các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và bộ máy quản lý, điều hành VNPT.

3. Chịu trách nhiệm hành chính và vật chất về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm đầu tư đủ vốn điều lệ cho VNPT.

4. Chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp sau đây:

a) Khi VNPT không thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn đã quy định;

b) Để xảy ra tình trạng tham nhũng, quan liêu, thất thoát tài sản nhà nước ở Tập đoàn;

c) Cán bộ quản lý VNPT do mình bổ nhiệm gây thiệt hại lớn đối với Tập đoàn, báo cáo không trung thực tình hình tài chính Tập đoàn;

d) Bổ nhiệm lại hoặc quyết định chuyển công tác sang vị trí tương đương hoặc cao hơn đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Tập đoàn do mình bổ nhiệm mà có các vi phạm sau đây:

- Để VNPT lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ;

- VNPT lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản;

- Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm, tuyển dụng giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng;

- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn, hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính VNPT;

- Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định;

- VNPT thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu;

- Vi phạm khoản 9 Điều 27 của Luật Doanh nghiệp nhà nước;

- Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

5. Tổ chức sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước theo phương án tổng thể và kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương IV
TỔ CHỨC QUẢN LÝ VNPT

Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý của VNPT

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của VNPT gồm có:

a) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

b) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng;

c) Bộ máy giúp việc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của VNPT có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động. VNPT phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 1
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Chức năng và cơ cấu của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại VNPT và Tổng công ty Bưu chính Việt Nam; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty do VNPT đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của VNPT tại các doanh nghiệp khác.

2. Hội đồng quản trị có quyền nhân danh VNPT để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của VNPT, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc phân cấp cho các cơ quan, tổ chức khác là đại diện chủ sở hữu thực hiện được quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về mọi hoạt động của VNPT.

4. Hội đồng quản trị VNPT có không quá 09 thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát là thành viên chuyên trách. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho VNPT.

2. Nhận vốn, tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác của Nhà nước để giao cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính của VNPT sau khi có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Tài chính.

4. Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của VNPT sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam sau khi được Bộ Bưu chính, Viễn thông phê duyệt; quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm của VNPT và Tổng công ty Bưu chính Việt Nam; quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hàng năm của các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ.

5. Quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc VNPT quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty khác, bán tài sản của VNPT có giá trị đến 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VNPT phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc VNPT quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác vượt quá mức vốn điều lệ của VNPT phù hợp với các quy định của pháp luật.

7. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của VNPT, quy hoạch, đào tạo lao động, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của VNPT theo đề nghị của Tổng giám đốc VNPT.

8. Quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ.

9. Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương của VNPT, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ theo thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật.

10. Kiến nghị chủ sở hữu quyết định phê chuẩn để VNPT quyết định những vấn đề đối với VNPT thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

11. Quyết định phân công thành viên của Hội đồng quản trị làm Trưởng Ban kiểm soát VNPT; lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên khác của Ban kiểm soát VNPT.

12. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc VNPT sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

13. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng VNPT theo đề nghị của Tổng giám đốc VNPT.

14. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam sau khi được Bộ Bưu chính, Viễn thông chấp thuận bằng văn bản; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng Tổng công ty Bưu chính Việt Nam theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và ý kiến của Tổng giám đốc VNPT.

15. Quyết định hoặc thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý chủ chốt của các Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ khi quyết định phê duyệt Đề án hình thành các Công ty (hoặc Tổng công ty) này.

16. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VNPT nắm 100% vốn điều lệ theo đề nghị của Tổng giám đốc VNPT; thông qua để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch các công ty này bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty.

17. Cử người đại diện phần vốn góp của VNPT tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc VNPT.

18. Quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc VNPT quyết định phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu.

19. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm sau đây:

a) Báo cáo tài chính hàng năm của VNPT;

b) Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ;

c) Báo cáo tài chính hàng năm của các đơn vị trực thuộc;

d) Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam.

20. Thông qua phương án sử dụng vốn, các quỹ, lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng giám đốc VNPT đề nghị được quy định trong Quy chế quản lý tài chính của VNPT.

21. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng của VNPT, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, Giám đốc các công ty do VNPT nắm 100% vốn điều lệ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này.

22. Tổ chức kiểm tra, giám sát Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Kiểm soát viên các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VNPT nắm 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của VNPT ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và doanh nghiệp có phần vốn góp của VNPT.

23. Quyết định việc đầu tư vào các công ty con; sử dụng vốn của VNPT để đầu tư thành lập công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khác nhưng không vượt quá mức vốn đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại khoản 5 Điều này. Quyết định phương án phối hợp kinh doanh của VNPT với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các công ty con; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do VNPT đầu tư vào các công ty con theo Điều lệ của các công ty đó.

24. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Bưu chính Việt Nam theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

25. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty do VNPT nắm 100% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.

26. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VNPT theo quy định tại các Điều 50 và 51 Điều lệ này.

27. Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tham gia làm công ty tự nguyện tham gia liên kết với VNPT.

28. Kiến nghị chủ sở hữu quyết định hoặc phê chuẩn để VNPT quyết định những vấn đề đối với VNPT thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

29. Thông qua để Tổng giám đốc VNPT quyết định bổ nhiệm Giám đốc và kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc VNPT, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp của VNPT; quyết

định cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Ban tham mưu của VNPT.

30. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành viễn thông hoặc công nghệ thông tin;

3. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

4. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của VNPT;

d) Vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25 của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được thay thế trong những trường hợp sau đây:

a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định của khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị thì trong thời hạn 60 ngày Hội đồng quản trị phải họp để kiến nghị Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc VNPT.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản trị ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho VNPT; ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước giao và giao lại cho Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam theo quy định của pháp luật; quản lý VNPT theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của VNPT để trình Hội đồng quản trị;

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

d) Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc uỷ quyền cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc VNPT, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các quyền khác theo phân cấp, uỷ quyền của Hội đồng quản trị và Thủ tướng chính phủ;

g) Có thể uỷ quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

Điều 29. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất ba ngày.

3. Các cuộc họp lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng quản trị hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định theo bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền chủ trì cuộc họp. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu.

4. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền hoặc có trách nhiệm mời đại diện có thẩm quyền của các cơ quan, tổ

chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình nghị sự. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu (nếu có) của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng quản trị thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với VNPT.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ viên chức quản lý trong VNPT, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, cán bộ viên chức quản lý trong các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của VNPT tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế thông tin do Hội đồng quản trị qui định hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao khác, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của VNPT.

8. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được qui định tại Quy chế quản lý tài chính của VNPT.

Điều 30. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng lương và thưởng tại VNPT. Chế độ tiền lương và tiền thưởng tính theo năm. Tiền lương được tạm ứng hàng tháng, quyết toán hàng năm. Tiền thưởng hàng năm được chi trả một phần vào cuối năm, phần còn lại được chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ; riêng tiền thưởng năm cuối nhiệm kỳ được tính dựa trên kết quả năm đó và kết quả tăng trưởng của cả nhiệm kỳ.

2. Mức tiền lương và tiền thưởng được tính dựa vào kết quả kinh doanh năm của VNPT, tương ứng với hiệu quả hoạt động của VNPT, do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông quyết định.

3. Các thành viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị hưởng phụ cấp trách nhiệm và chế độ tiền thưởng theo cơ chế như đối với các thành viên chuyên trách.

Mục 2
BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị thành lập, có 05 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát là thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công, 01 thành

viên là đại diện tổ chức Công đoàn có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này; các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được kiêm Trưởng Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, tiền thưởng hoặc phụ cấp do Hội đồng quản trị quyết định theo chế độ tiền lương, tiền thưởng của Nhà nước.

3. Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản trị phê duyệt, có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ VNPT, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với VNPT và các công ty con do VNPT đầu tư toàn bộ vốn điều lệ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng, quý, năm và theo vụ việc về kết quả kiểm tra, giám sát của mình; kịp thời phát hiện và báo cáo Hội đồng quản trị về những hoạt động không bình thường, trái với quy định về quản trị doanh nghiệp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong VNPT và các công ty con do VNPT đầu tư toàn bộ vốn điều lệ;

c) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Hội đồng quản trị cho phép; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các hành vi cố ý bỏ qua hoặc bao che cho các vi phạm.

4. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Thường trú tại Việt Nam;

b) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Có trình độ đại học trở lên và là chuyên gia về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kinh tế, tài chính, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; hiểu biết pháp luật; có thâm niên công tác trong các lĩnh vực trên không dưới 05 năm; không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế;

d) Không có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ của VNPT;

đ) Thành viên Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước.

5. Chi phí hoạt động, kể cả tiền lương, phụ cấp và điều kiện làm việc của Ban kiểm soát do VNPT bảo đảm.

Mục 3
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Chức năng của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của VNPT, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ VNPT và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 33. Tuyển chọn, bổ nhiệm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là ủy viên Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản.

2. Tổng giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá năm năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại.

3. Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật;

4. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này;

b) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm ít nhất ba năm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc chuyên ngành viễn thông hoặc công nghệ thông tin.

5. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm làm Tổng giám đốc của VNPT:

a) Những người đã từng làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm hoặc để doanh nghiệp đó lâm vào tình trạng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Điều lệ này;

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Thay thế, miễn nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định việc thay thế, miễn nhiệm trước thời hạn với Tổng giám đốc trong các trường hợp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

1. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để VNPT lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu giao trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp sau: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ theo kế hoạch do đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) VNPT lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao;

d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của VNPT;

đ) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

2. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác.

Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển VNPT; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành nghề do VNPT kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam; chuẩn bị các dự án đầu tư, các đề án tổ chức, quản lý; dự thảo Điều lệ, sửa đổi Điều lệ VNPT; dự thảo Quy chế quản lý tài chính của VNPT, các quy chế, quy định quản lý nội bộ VNPT; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá tiền lương; chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các phương án đề phòng rủi ro, các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của VNPT, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam và các đề án, dự án khác.

2. Trình Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị trình Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc quyền của chủ sở hữu đối với VNPT.

3. Tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn mạng lưới bưu chính, viễn thông của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam.

4. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán tài sản của VNPT theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Hội đồng quản trị VNPT và các quy định khác của pháp luật.

5. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị dưới mức vốn điều lệ của VNPT.

6. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của VNPT để góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước có giá trị theo mức phân cấp hoặc uỷ quyền của Hội đồng quản trị VNPT và các quy định khác của pháp luật.

7. Đề nghị Hội đồng quản trị VNPT quyết định hoặc quyết định hoặc thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý chủ chốt của các Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I, II, III theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thành lập các Công ty (hoặc Tổng công ty) này.

8. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với:

a) Giám đốc và kế toán trưởng đơn vị trực thuộc VNPT, Giám đốc và kế toán trưởng đơn vị sự nghiệp, Giám đốc các công ty nhà nước do VNPT nắm 100% vốn điều lệ sau khi được Hội đồng quản trị VNPT phê duyệt; Phó giám đốc đơn vị trực thuộc VNPT, Phó giám đốc đơn vị sự nghiệp, Phó giám đốc các công ty nhà nước do VNPT nắm 100% vốn điều lệ theo đề nghị của Giám đốc đơn vị đó;

b) Trưởng ban, Phó trưởng Ban tham mưu, Chánh văn phòng, Phó chánh văn phòng của VNPT;

c) Các chức danh quản lý khác trong VNPT theo phân cấp của Hội đồng quản trị;

d) Người lao động làm việc tại các đơn vị trực thuộc, cơ quan tham mưu, văn phòng của VNPT.

9. Đề nghị Hội đồng quản trị VNPT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với các chức danh: Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng VNPT, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VNPT nắm 100% vốn điều lệ.

10. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện phần vốn góp của VNPT ở doanh nghiệp khác.

11. Có ý kiến để Hội đồng quản trị VNPT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương của Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng Tổng công ty Bưu chính Việt Nam.

12. Tổ chức điều hành kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam; công tác kiểm toán, thanh tra, bảo vệ, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và chủ sở hữu; điều hành hoạt động của VNPT nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

13. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các đơn vị thành viên theo sự phân công hoặc uỷ quyền của Hội đồng quản trị.

14. Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của VNPT. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc qui định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

15. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của VNPT; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

16. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này và các qui định khác của pháp luật.

17. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

18. Được hưởng chế độ tiền lương theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của VNPT do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định

hiện hành của Chính phủ về chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan. Chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị.

19. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ này và theo quyết định của Hội đồng quản trị VNPT.

Mục 4
NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành VNPT

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho VNPT thì Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc quý và năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của VNPT cho Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 37. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của VNPT, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả và hiệu quả hoạt động của VNPT.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của VNPT và của Nhà nước;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của VNPT để thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của VNPT cho người khác; không được tiết lộ bí mật của VNPT trong thời gian đang thực hiện chức trách là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc và trong thời hạn tối thiểu là ba năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quĩ của VNPT;

d) Phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của VNPT ký kết với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho VNPT và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Khi VNPT không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của VNPT cho tất cả chủ nợ biết; Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động;

e) Khi VNPT không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm đ khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ;

g) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho VNPT và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VNPT.

3. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tuỳ theo mức độ vi phạm:

a) Để VNPT lỗ;

b) Để mất vốn nhà nước;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở VNPT theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng các quy định tại Điều 28 Điều lệ này mà dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 3 Điều này thì bị miễn nhiệm; tuỳ theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp để VNPT lâm vào tình trạng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Điều lệ này thì tuỳ theo mức độ vi phạm và hậu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp VNPT lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm.

7. Trường hợp VNPT thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm.

Mục 5
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 38. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng

1. VNPT có các Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.

2. Phó tổng giám đốc là viên chức lãnh đạo giúp Tổng giám đốc điều hành VNPT; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán - thống kê của VNPT; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại VNPT theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc uỷ quyền.

4. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

5. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 39. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ (sau đây gọi chung là các Ban tham mưu) có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành VNPT cũng như trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, của cổ đông, của thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác.

2. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Ban tham mưu do Tổng giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Mục 6
HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THAM GIA QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG VNPT

Điều 40. Hình thức tham gia quản lý doanh nghiệp của người lao động

Người lao động trong VNPT tham gia quản lý doanh nghiệp thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức các cấp của VNPT;

2. Tổ chức Công đoàn VNPT;

3. Ban Thanh tra nhân dân;

4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Nội dung tham gia quản lý VNPT của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất VNPT;

2. Phương án cổ phần hoá, đa dạng hoá sở hữu VNPT;

3. Các nội quy, quy chế của VNPT liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của VNPT;

5. Cử người đủ điều kiện để tham gia Ban kiểm soát VNPT;

6. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

7. Thông qua đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thoả ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của VNPT có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban thanh tra nhân dân;

d) Bầu Ban thanh tra nhân dân.

Chương V
QUAN HỆ CỦA VNPT VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Mục 1
QUẢN LÝ VỐN DO VNPT ĐẦU TƯ Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 42. Vốn do VNPT đầu tư ở doanh nghiệp khác

Vốn do VNPT đầu tư ở doanh nghiệp khác là các loại vốn dưới đây:

1. Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của VNPT được VNPT đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác;

2. Vốn từ ngân sách nhà nước đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho VNPT quản lý;

3. Giá trị cổ phần hoặc vốn nhà nước đầu tư tại các công ty nhà nước thuộc VNPT đã cổ phần hoá, hoặc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

4. Vốn do VNPT vay để đầu tư;

5. Lợi tức được chia do Nhà nước hoặc VNPT đầu tư, góp vốn ở doanh nghiệp khác dùng để tái đầu tư vào doanh nghiệp đó;

6. Các loại vốn khác.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của VNPT trong việc quản lý vốn đầu tư ở doanh nghiệp khác

1. Hội đồng quản trị VNPT thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I,II,III hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị VNPT thực hiện các quyền, nghĩa vụ: của chủ sở hữu đối với công ty con trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của đồng sở hữu nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với các công ty con trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh; của đồng sở hữu không nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với các công ty liên kết phù hợp với quy định của pháp luật đối với các công ty đó.

3. Quyền và nghĩa vụ của VNPT trong quản lý vốn nhà nước đầu tư ở doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị VNPT thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung dưới đây:

a) Quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư, vốn góp theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ doanh nghiệp có vốn góp của VNPT;

b) Quyết định:

- Cử, thay đổi, bãi miễn người đại diện theo uỷ quyền, đại diện phần vốn góp của VNPT; giới thiệu họ ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trong các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp của VNPT phù hợp với Điều lệ của công ty và pháp luật liên quan tại Việt Nam và ở nước ngoài;

- Quyết định khen thưởng, kỷ luật, phụ cấp trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn góp của VNPT tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ, các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của VNPT và các công ty liên kết;

- Quyết định mức lương, phụ cấp, thưởng và các lợi ích khác đối với người đại diện phần vốn góp, trừ trường hợp những người đó đã được hưởng lương từ doanh nghiệp có phần vốn góp của VNPT theo quy định của pháp luật.

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp của VNPT tại các công ty có cổ phần, vốn góp của VNPT:

- Định hướng công ty thực hiện mục tiêu do VNPT giao và kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam;

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác về công ty có vốn góp của VNPT;

- Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có cổ phần, vốn góp của VNPT để xin ý kiến chỉ đạo trước khi biểu quyết;

- Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp, thị trường, bí quyết công nghệ để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của VNPT.

d) Giải quyết những kiến nghị của người đại diện phần vốn góp của VNPT ở doanh nghiệp khác;

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở doanh nghiệp khác. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do VNPT quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của VNPT. Trường hợp tổ chức lại VNPT thì việc quản lý phần vốn góp này được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của VNPT và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của VNPT;

g) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn góp của VNPT ở doanh nghiệp khác

1. Người đại diện phần vốn góp của VNPT ở doanh nghiệp khác phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và là người của VNPT;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ;

c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của VNPT; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp của VNPT tại doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài, phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong doanh nghiệp không cần phiên dịch;

đ) Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của các thành viên Hội đồng quản trị VNPT, thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc của doanh nghiệp có vốn góp của VNPT mà người đó được giao làm người đại diện phần vốn góp;

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn góp của VNPT mà người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cổ phần được mua ưu đãi khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp có vốn góp của VNPT phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của VNPT ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong công ty có cổ phần, vốn góp của VNPT. Trong trường hợp VNPT nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của công ty khác thì người đại diện phần vốn góp sử dụng quyền chi phối để định hướng công ty này theo chiến lược, mục tiêu của VNPT.

2. Tham gia ứng cử hoặc đề cử người đại diện của VNPT vào bộ máy quản lý, điều hành các chức danh quản lý, điều hành của công ty nhận vốn góp theo quy định của Điều lệ công ty đó và theo hướng dẫn của VNPT.

3. Thực hiện chế độ báo cáo VNPT về tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty và hiệu quả sử dụng phần vốn góp của VNPT.

Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho VNPT thì phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

4. Xin ý kiến Hội đồng quản trị VNPT trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty có vốn góp của VNPT về chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm; nhân sự chủ chốt; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản; huy động vốn có giá trị lớn cần có biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn. Trường hợp nhiều người cùng đại diện của VNPT tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty nhận vốn góp thì người có trách nhiệm chính do VNPT chỉ định phải chủ trì cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến và xin ý kiến về những vấn đề quan trọng của công ty có vốn góp của VNPT trước khi biểu quyết.

5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị VNPT về hiệu quả sử dụng vốn góp của VNPT tại công ty mà mình được cử làm đại diện.

Điều 46. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Tiền lương, phụ cấp, thưởng và quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của VNPT ở doanh nghiệp khác do doanh nghiệp đó chi trả theo quy định trong Điều lệ doanh nghiệp hoặc VNPT chi trả nếu Điều lệ doanh nghiệp đó không quy định việc chi trả.

2. Người đại diện phần vốn của VNPT ở doanh nghiệp khác không được cùng lúc hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ khác ở cả hai nơi.

Mục 2
QUAN HỆ CỦA VNPT VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 47. Quan hệ giữa VNPT với các đơn vị trực thuộc

Đơn vị trực thuộc của VNPT thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự … của VNPT theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc VNPT xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. VNPT chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị này.

Điều 48. Quan hệ giữa VNPT với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam

1. Tổng công ty Bưu chính Việt Nam là đơn vị thành viên của VNPT, do Nhà nước quyết định thành lập và giao vốn thông qua VNPT. Hội đồng quản trị VNPT là đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, thực hiện một số quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Trình Bộ Bưu chính, Viễn thông phê duyệt chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;

b) Trình Bộ Bưu chính, Viễn thông quyết định thành lập, tổ chức lại Tổng công ty;

c) Trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty;

d) Quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

đ) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc Tổng công ty sau khi được Bộ Bưu chính, Viễn thông chấp thuận bằng văn bản;

e) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty và ý kiến của Tổng giám đốc VNPT;

g) Quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng Tổng công ty;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty;

i) Thông qua kế hoạch kinh doanh, tổng chi phí, lợi nhuận tối thiểu, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty. Thẩm định phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của

Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty và ý kiến của Tổng giám đốc VNPT để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

k) Ban hành các quy định hỗ trợ cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam để thực hiện các hoạt động công ích và duy trì, phát triển các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn chuyển đổi trên cơ sở các quy định của Nhà nước;

l) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Tổng công ty theo thẩm quyền, Điều lệ của Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật;

m) Phê duyệt cơ chế hợp tác kinh doanh giữa Tổng công ty với VNPT và các đơn vị thành viên khác để cùng khai thác thị trường dịch vụ bưu chính, viễn thông - công nghệ thông tin;

n) Bảo lãnh tín dụng và cho Tổng công ty vay vốn theo cơ chế nội bộ; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ VNPT.

2. VNPT thực hiện quyền chi phối Tổng công ty Bưu chính Việt Nam thông qua chiến lược kinh doanh và sử dụng thương hiệu chung của VNPT trong kinh doanh. VNPT phối hợp với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam trong việc nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

Điều 49. Quan hệ giữa VNPT với các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ:

1. Các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ gồm:

a) Các Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I, II, III;

b) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VNPT nắm 100% vốn điều lệ;

c) Các công ty được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp của VNPT;

d) Các công ty khác theo quy định của pháp luật.

2. Các công ty nêu ở khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty con đó.

3. VNPT là chủ sở hữu của các công ty con nêu ở khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị VNPT thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con này. Tổng giám đốc VNPT và bộ máy giúp việc giúp Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, theo đó có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty con báo cáo VNPT để trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với công ty con.

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh tại công ty con.

4. Quyền và nghĩa vụ của VNPT đối với công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ được quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14,15,17,18,19, 20, 25, 35, 43, 45 Điều lệ này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc công ty;

b) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty theo quy định tại Điều lệ của công ty đó (trừ các Công ty hoặc Tổng công ty Viễn thông I, II, III);

c) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý theo Điều lệ của công ty.

5. VNPT có quyền chi phối các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ về các vấn đề sau:

a) Định hướng và lựa chọn công nghệ mới, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển mạng và dịch vụ; quản lý mạng viễn thông thống nhất cấp quốc gia; khung thoả thuận kết nối với các doanh nghiệp viễn thông khác; tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn mạng lưới viễn thông;

b) Quản lý thống nhất nghiệp vụ các dịch vụ phổ cập triển khai trên phạm vi toàn quốc;

c) Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ; định hướng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, khai thác thị trường trong và ngoài nước;

d) Sử dụng thương hiệu chung của VNPT trong kinh doanh;

đ) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công ích Nhà nước giao;

e) Huy động các nguồn lực để thực hiện các nội dung quy định tại các điểm c, d và đ khoản này theo quy định của pháp luật và thông qua hợp đồng kinh tế.

6. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ của công ty không trái với Điều lệ này.

Điều 50. Quan hệ giữa VNPT với công ty con có cổ phần hoặc vốn góp chi phối của VNPT

1. Công ty con mà VNPT giữ cổ phần, vốn góp chi phối là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; công ty liên doanh với nước ngoài; công ty ở nước ngoài do VNPT chi phối (sau đây gọi là công ty bị chi phối) gồm:

a) Các công ty có trên 50% vốn điều lệ là cổ phần hoặc vốn góp của VNPT;

b) Các công ty có dưới 50% vốn điều lệ là cổ phần hoặc vốn góp của VNPT nhưng bị VNPT chi phối bởi ít nhất một trong các yếu tố sau đây: định đoạt đối với điều lệ hoạt động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt; thị trường, bí quyết công nghệ, thương hiệu,… theo quy định của pháp luật.

2. Các công ty con nêu ở khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

3. VNPT là chủ sở hữu phần vốn của VNPT tại các công ty con nêu ở khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị VNPT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn VNPT đầu tư vào các công ty này.

4. Quyền và nghĩa vụ của VNPT đối với công ty con bị chi phối được quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 25, 35, 43, 45 Điều lệ này và các quy định dưới đây:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện của mình tại công ty theo pháp luật quy định đối với công ty và theo Điều lệ công ty bị chi phối;

b) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp của VNPT tại công ty bị chi phối;

c) Thu lợi tức và chịu rủi ro theo phần vốn góp của VNPT ở công ty bị chi phối;

d) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn góp vào công ty bị chi phối;

đ) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp vào công ty bị chi phối.

5. VNPT có quyền chi phối các công ty con bị chi phối thông qua người đại diện phần vốn ở các công ty con bị chi phối phù hợp với Điều lệ công ty, Điều lệ này hoặc thoả thuận với các công ty con bị chi phối về các vấn đề sau:

a) Định hướng lựa chọn công nghệ mới, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển mạng và dịch vụ viễn thông; quản lý mạng viễn thông thống nhất cấp Quốc gia; khung thoả thuận kết nối với các doanh nghiệp viễn thông khác; tổ chức phối hợp thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn mạng lưới viễn thông;

b) Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ; định hướng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, khai thác thị trường trong và ngoài nước;

c) Sử dụng thương hiệu chung của VNPT trong kinh doanh;

d) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công ích Nhà nước giao.

Điều 51. Quan hệ giữa VNPT với công ty liên kết

1. Công ty liên kết là công ty có cổ phần, vốn góp của VNPT dưới mức chi phối và có thoả thuận liên kết với VNPT, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài; hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

2. VNPT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ công ty và theo quy định tại Điều 20, Điều 43, Điều 45 và các điều khác có liên quan của Điều lệ này.

3. VNPT quan hệ với công ty liên kết thông qua các thoả thuận về định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới về viễn thông - công nghệ thông tin; liên kết về nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của VNPT trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Điều 52. Quan hệ giữa VNPT với các đơn vị sự nghiệp

1. Các đơn vị sự nghiệp do VNPT đầu tư thành lập, được chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

2. VNPT thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. VNPT khuyến khích các đơn vị thành viên của VNPT sử dụng các dịch vụ nghiên cứu, đào tạo và y tế do các đơn vị sự nghiệp của VNPT cung cấp trên cơ sở hợp đồng.

Điều 53. Quan hệ giữa VNPT với công ty tự nguyện tham gia liên kết với VNPT

1. Tất cả các loại hình công ty thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và ở nước ngoài có thể tham gia tự nguyện liên kết với VNPT theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là công ty tự nguyên liên kết). Công ty tự nguyện liên kết không có cổ phần, vốn góp của VNPT.

2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với VNPT và các đơn vị thành viên khác theo thoả thuận liên kết giữa công ty đó với VNPT.

3. VNPT quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua các thoả thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới về viễn thông - công nghệ thông tin; liên kết về nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của VNPT trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Điều 54. Quan hệ giữa VNPT với công ty con ở nước ngoài

1. Các công ty con ở nước ngoài của VNPT bao gồm các công ty mà VNPT nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật nước sở tại và Điều lệ công ty đủ để VNPT có quyền chi phối đối với công ty; được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật nước sở tại và Điều lệ công ty.

2. VNPT thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông hoặc bên góp vốn chi phối đối với công ty theo quy định của pháp luật nước sở tại, các điều ước quốc tế, các hiệp định ký kết giữa Chính phủ nước sở tại và Chính phủ Việt Nam và Điều lệ công ty.

3. VNPT thực hiện quyền chi phối công ty ở nước ngoài thông qua các thoả thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới về viễn thông - công nghệ thông tin; liên kết về nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của VNPT trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Chương VI
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA VNPT

Điều 55. Tăng, giảm, điều chỉnh vốn điều lệ của VNPT

1. Vốn điều lệ của VNPT ghi tại Điều 5 Điều lệ này là vốn do Nhà nước đầu tư tại VNPT ở thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2006.

2. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên do:

a) Lợi nhuận sau thuế của VNPT, lợi nhuận sau thuế của các Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I, II, III, các công ty con do VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ và lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VNPT;

b) Vốn do chủ sở hữu bổ sung cho VNPT từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác;

c) Chính phủ giao, uỷ quyền cho VNPT thực hiện chức năng chủ sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của một doanh nghiệp khác tham gia làm công ty con hoặc công ty liên kết của VNPT.

3. Việc điều chỉnh tăng hay giảm vốn điều lệ của VNPT do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Trong mọi trường hợp tăng hay giảm vốn điều lệ, VNPT phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối tài sản, công bố vốn điều lệ và làm các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này.

5. Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào VNPT trong trường hợp điều chỉnh giảm vốn điều lệ nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán của VNPT. Trường hợp không điều chỉnh giảm vốn điều lệ thì chỉ được rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn của VNPT cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Đối với vốn nhà nước mà chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho VNPT thì chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết. Trường hợp sau hai năm mà không đầu tư đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải điều chỉnh vốn điều lệ của VNPT.

Điều 56. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, giá cước và phân phối lợi nhuận của VNPT

Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, giá cước của VNPT được thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của VNPT và quy định của pháp luật. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của VNPT phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về cơ chế tài chính và các nguyên tắc về quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, giá cước và phân phối lợi nhuận của công ty nhà nước và các quy định trong Điều lệ này. Quy chế quản lý tài chính của VNPT phải có những nội dung chính sau đây:

a) Cơ chế quản lý và sử dụng vốn;

b) Cơ chế quản lý và sử dụng tài sản;

c) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của VNPT;

d) Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của VNPT;

đ) Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán;

e) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý tài chính VNPT;

g) Mối quan hệ về tài chính giữa VNPT với các Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I, II, III, các công ty con và công ty liên kết.

Điều 57. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán và thống kê

1. Năm tài chính của VNPT bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm sau kế tiếp của VNPT. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ các kế hoạch kinh doanh hàng năm của VNPT làm căn cứ để giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VNPT.

3. Trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc quý, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tổng hợp. Trong thời hạn 60 ngày sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt các báo cáo tài chính năm báo cáo đã được kiểm toán gồm:

a) Báo cáo tài chính của VNPT;

b) Báo cáo tài chính của các công ty con do VNPT nắm giữ 100% vốn điều lệ;

4. Trong thời hạn 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam.

5. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ thẩm tra và thông qua các báo cáo tài chính, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ, thực hiện việc công bố, công khai báo cáo tài chính hàng năm của VNPT, của các công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Quốc gia Việt Nam theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính. Sau khi đã được Hội đồng quản trị thẩm tra, thông qua, VNPT gửi báo cáo tài chính hàng năm đến các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

6. VNPT tổ chức và chỉ đạo thực hiện:

a) Công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của Bộ Tài chính nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu, của Hội đồng quản trị đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con và các đơn vị sự nghiệp của VNPT.

b) Kiểm toán bắt buộc theo quy định của pháp luật đối với báo cáo tài chính hàng năm của VNPT, của các đơn vị trực thuộc, của các công ty con và của các đơn vị sự nghiệp và báo cáo quyết toán các dự án đầu tư nhóm A.

7. VNPT phải thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.

8. VNPT phải thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

Chương VII
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, ĐA DẠNG HOÁ SỞ HỮU VNPT

Điều 58. Tổ chức lại VNPT

1. Việc tổ chức lại VNPT do Hội đồng quản trị VNPT đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp cụ thể tổ chức lại VNPT theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Đa dạng hoá sở hữu VNPT

1. VNPT thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định cổ phần hoá, bán toàn bộ VNPT.

2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi VNPT thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

Điều 60. Giải thể VNPT

1. VNPT bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn;

b) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Việc tiếp tục duy trì VNPT là không cần thiết.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định giải thể VNPT theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục giải thể VNPT thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Phá sản VNPT

Trường hợp VNPT mất khả năng thanh toán nợ đến hạn phải trả thì xử lý theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VIII
SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA VNPT

Điều 62. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ VNPT

1. Định kỳ hàng quý, năm, VNPT có trách nhiệm gửi Bộ Tài chính và các cơ quan nhà nước có liên quan các báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp đột xuất, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước có thẩm quyền có quyền yêu cầu (bằng văn bản) VNPT cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền quản lý nhà nước và quyền của chủ sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Ngoài việc yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng hoặc các cán bộ, viên chức quản lý của VNPT cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc VNPT là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của VNPT theo quy định của VNPT và của pháp luật.

5. Người lao động trong VNPT có quyền tìm hiểu thông tin về VNPT thông qua Đại hội công nhân, viên chức và Ban thanh tra nhân dân của VNPT.

Điều 63. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc VNPT là người quyết định và chịu trách nhiệm về việc công khai thông tin ra ngoài VNPT. Các đơn vị trực thuộc, các ban và bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của VNPT chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quy định của VNPT.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo quy định của VNPT và của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc VNPT là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VNPT

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ VNPT được căn cứ theo Điều lệ này trên nguyên tắc hoà giải.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc hoà giải không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 65. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 66. Hiệu lực và phạm vi thi hành

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của VNPT. Tất cả các cá nhân, các đơn vị trực thuộc, các công ty con và các đơn vị sự nghiệp của VNPT có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày Quyết định phê duyệt có hiệu lực.

3. Các đơn vị trực thuộc VNPT, các công ty con, các đơn vị sự nghiệp của VNPT, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, các công ty con, các đơn vị sự nghiệp và Tổng công ty Bưu chính Việt Nam không được trái với Điều lệ này.

4. Trường hợp các văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quy định khác với Điều lệ này thì thực hiện theo Điều lệ này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I

CƠ CẤU TỔ CHỨC

CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

_____

I. Cơ quan quản lý, điều hành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

II. Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam:

1. Bưu điện Trung ương.
2. Công ty Viễn thông liên tỉnh (VTN).
3. Công ty Viễn thông quốc tế (VTI).
4. Trung tâm Thông tin và Quan hệ công chúng.

Phụ lục II
CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA
TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

———

I. Tổng công ty Bưu chính Việt Nam.

II. Các công ty con:

1. Công ty con do VNPT nắm 100% vốn điều lệ:

a) Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông I.

b) Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông II.

c) Công ty (hoặc Tổng công ty) Viễn thông III.

d) Công ty Điện toán và Truyền số liệu - VDC (thực hiện chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện toán và Truyền số liệu).

đ) Công ty Phần mềm và Truyền thông - VASC (thực hiện chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phần mềm và Truyền thông).

2. Công ty con do VNPT nắm trên 50% vốn điều lệ:

a) Công ty Thông tin di động - VMS (thực hiện cổ phần hoá để hình thành Công ty cổ phần Thông tin di động).

b) Công ty Dịch vụ viễn thông - GPC (thực hiện cổ phần hoá để hình thành Công ty cổ phần Dịch vụ viễn thông).

c) Công ty Tài chính Bưu điện (thực hiện chuyển bộ phận đầu tư tài chính thuộc Công ty về VNPT và cổ phần hoá Công ty để hình thành Công ty Cổ phần Dịch vụ tài chính bưu điện).

d) Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF).

đ) Công ty cổ phần Vật liệu Bưu điện (PMC).

e) Công ty cổ phần In Bưu điện (PTP).

g) Công ty cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA).

h) Công ty cổ phần Vật tư Bưu điện (POSTMASCO).

i) Công ty cổ phần Phát triển công trình viễn thông (TELCOM).

k) Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bưu điện (PCM).

l) Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Bưu điện (PTC)

m) Công ty cổ phần Thiết bị điện thoại (VITECO).

III. Công ty liên kết:

1. Công ty cổ phần Cáp và vật liệu viễn thông (SACOM).

2. Công ty cổ phần Điện tử viễn thông tin học (KASATI).

3. Công ty cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện (CT-IN).

4. Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Bưu điện (PTIC).

5. Công ty cổ phần Niên giám điện thoại và những trang vàng 1 (VIETRAVA 1).

6. Công ty cổ phần Niên giám điện thoại và những trang vàng 2 (VIETRAVA 2).

7. Công ty liên doanh Sản xuất thiết bị viễn thông (ANSV).

8. Công ty liên doanh Cáp VINADEASUNG.

9. Công ty liên doanh Thiết bị tổng đài VKX.

10. Công ty liên doanh Sản xuất cáp quang và phụ kiện FOCAL.

11. Công ty liên doanh Sản xuất cáp sợi quang VINA-GSC.

12. Công ty liên doanh Các hệ thống viễn thông VINECO.

13. Công ty trách nhiệm hữu hạn Các hệ thống viễn thông VFT.

14. Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thiết bị viễn thông TELEQ.

IV. Đơn vị sự nghiệp đào tạo, y tế:

1. Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn thông (đặt tại thành phố Hà Nội và có Phân viện trực thuộc đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bệnh viện Bưu điện I (đặt tại thành phố Hà Nội).

3. Bệnh viện Bưu điện II (đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

4. Bệnh viện Bưu điện III (đặt tại thành phố Đà Nẵng).

5. Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Bưu điện I (đặt tại thành phố Hải Phòng);

6. Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Bưu điện II (đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

7. Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Bưu điện III (đặt tại tỉnh Quảng Nam).